

Bản án số: 371/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 4 - 2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Bình Đăng;

Bà Đoàn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Quang, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 868/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị L**; Nơi thường trú: 345/54/11 **H, Tổ C, Khu phố C, phường T, Quận A, TP.** - Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Lê Bá N**; Nơi thường trú: 345/54/11 **H, Tổ C, Khu phố C, phường T, Quận A, TP.** - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, bà **Lâm Thị L** là nguyên đơn trình bày: Bà và ông **Lê Bá N** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, đăng ký ngày 14/02/2005 tại **UBND xã K, huyện H, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội)**.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi sinh con đầu lòng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp. Ông **N** có tính gia trưởng, trọng nam khinh nữ nên khi bà sinh hai con gái thì ông **N** có những lời lẽ miệt thị, xúc phạm về việc bà không sinh được con trai. Ông **N** còn có lời lẽ chửi mắng các con. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn, bỏ qua để hàn gắn tình cảm cho các con có gia đình giống các bạn nhưng ông **N** sau nhiều năm vẫn không thay đổi, thường xuyên dùng những lời lẽ thô tục sỉ vả xúc phạm bà và các con, cuộc sống hôn nhân ngày càng căng

thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay bà và ông **N** tuy vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Lê Bá N**.

Về con chung: Có 02 (hai) con tên là **Lê Hà P**, sinh ngày 10/6/2006 và **Lê Hà A**, sinh ngày 18/8/2014. Bà **Lâm Thị L** yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu ông **N** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà **Lâm Thị L** đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà **Lâm Thị L** không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập bị đơn nhưng ông **Lê Bá N** không đến Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà **Lâm Thị L** vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bị đơn là ông **Lê Bá N** vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết, Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; gửi Thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà **Lâm Thị L** được ly hôn với ông **Lê Bá N**. Về con chung: Giao cả 02 con tên là **Lê Hà P**, sinh ngày 10/6/2006 và **Lê Hà A**, sinh ngày 18/8/2014 cho bà **Lâm Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông **Lê Bá N** do bà **Lâm Thị L** không có yêu cầu. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bà **Lâm Thị L** và ông **Lê Bá N** tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, đăng ký ngày 14/02/2005 tại **UBND xã K, huyện H, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội)**. Như vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay, bà **Lâm Thị L** yêu cầu ly hôn với ông **Lê Bá N**, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh của **Công an phường T, Quận A** thì ông **Lê Bá N** có địa chỉ thường trú tại: **3 H, Tổ C, Khu phố**

C, phường T, Quận A và đang cư trú tại địa chỉ trên, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Lâm Thị L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt bà. Tại phiên tòa, ông Lê Bá N cũng vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Lâm Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Bá N do ông N có tính gia trưởng, trọng nam khinh nữ nên khi bà sinh hai con gái thì ông N thường xuyên dùng những lời lẽ thô tục để sỉ vả, miệt thị, xúc phạm bà và các con về việc bà không sinh được con trai. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, dù vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau. Điều 19 và Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, “Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau”, nhưng trong cuộc sống hôn nhân, bà L và ông N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông N có những lời lẽ miệt thị, xúc phạm đối với bà L, chứng tỏ vợ chồng đã không còn thương yêu, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm cho nhau; không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau. Tòa án đã triệu tập ông Lê Bá N đến Tòa án tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông không đến, điều đó thể hiện ý thức bỏ mặc, không quan tâm; chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị Lê .

[4] Về con chung: Bà Lâm Thị Lê k có 02 (hai) con tên là Lê Hà P, sinh ngày 10/6/2006 và Lê Hà A, sinh ngày 18/8/2014; bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, theo sự thừa nhận của bà L thì trẻ Lê Hà P và Lê Hà A đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, qua xem xét về quyền lợi mọi mặt, đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ là muốn được sống với mẹ, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao trẻ Lê Hà P và Lê Hà A cho bà Lâm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Lê x được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung bà L khai không có nên không xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà **Lâm Thị L**:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lâm Thị L** được ly hôn với ông **Lê Bá N**.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 11, đăng ký ngày 14/02/2005 tại **UBND xã K, huyện H, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội)** hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực thi hành).

1.2. Về con chung: Có 02 (hai) con tên là **Lê Hà P**, sinh ngày 10/6/2006 và **Lê Hà A**, sinh ngày 18/8/2014. Giao cả hai con cho bà **Lâm Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng. Bà **Lâm Thị Lê k1** yêu cầu ông **Lê Bá N** cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Lê Bá N** được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà **Lâm Thị Lê c1**, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0030548 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

Trần Văn Điệp